

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 42



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ Nam Định lên Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần 16 ngày 10 tháng 6 năm 2016. Vốn điều lệ của Công ty là 1.684.174.160.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TASCJOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: HUD - TASCJO

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: HUT

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Lương	Phó Chủ tịch
	Bà Phạm Thị Nhân	Ủy viên
	Bà Trần Thị Thanh Tân	Ủy viên
	Ông Vũ Quang Lâm	Ủy viên
	Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Ủy viên
	Bà Phạm Thị Chi	Ủy viên
	Ông Hoàng Trung Dũng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 24/06/2016)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Hoàng Hà Phương	Tổng Giám đốc
	Ông Trịnh Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trương Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/04/2016)

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Hoàng Hà Phương**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2016*

Số: 570/2016/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tasco, được lập ngày 20 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 42 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Đinh Văn Thắng****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 1147-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

	MS	TM	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.148.582.288.932</b>	<b>1.975.190.602.956</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>454.208.613.221</b>	<b>576.880.129.477</b>
1. Tiền	111		99.214.809.981	295.680.129.477
2. Các khoản tương đương tiền	112		354.993.803.240	281.200.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>315.049.232.122</b>	<b>45.249.232.122</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		315.049.232.122	45.249.232.122
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.198.537.961.603</b>	<b>1.220.713.013.767</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	368.400.828.562	763.979.970.700
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		343.716.668.940	320.272.170.741
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		300.308.000.000	10.130.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	186.435.225.274	126.653.633.499
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(322.761.173)	(322.761.173)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>60.402.865.371</b>	<b>56.384.765.377</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.5	60.402.865.371	56.384.765.377
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>120.383.616.615</b>	<b>75.963.462.213</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.213.044.003	2.497.322.813
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		116.270.866.954	68.900.589.570
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.899.705.658	4.565.549.830
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.969.019.080.053</b>	<b>5.111.160.271.020</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>330.922.537.032</b>	<b>250.642.124.472</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		250.519.019.957	250.519.019.957
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		30.500.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	53.053.517.075	3.273.104.515
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(3.150.000.000)	(3.150.000.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.362.543.165.460</b>	<b>2.440.807.716.569</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	2.362.107.385.418	2.440.517.138.500
- Nguyên giá	222		2.661.487.384.703	2.662.264.380.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(299.379.999.285)	(221.747.242.372)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	435.780.042	290.578.069
- Nguyên giá	228		1.441.862.888	1.250.694.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.006.082.846)	(960.116.819)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.6</b>	<b>2.847.828.442.863</b>	<b>2.038.634.741.149</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.847.828.442.863	2.038.634.741.149
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>336.363.241.010</b>	<b>321.821.249.053</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		330.233.241.010	315.691.249.053
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.130.000.000	6.130.000.000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>91.361.693.688</b>	<b>59.254.439.777</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	91.361.693.688	59.254.439.777
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>8.117.601.368.985</b>	<b>7.086.350.873.976</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

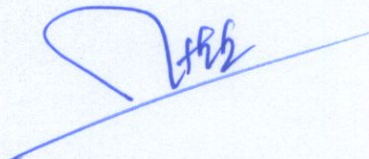
	MS	TM	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.822.522.105.633</b>	<b>5.363.935.180.003</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>823.858.501.216</b>	<b>727.384.624.117</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	182.195.969.555	192.464.527.678
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		81.948.912.066	65.886.681.745
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	144.803.065.860	163.910.288.191
4. Phải trả người lao động	314		10.992.084.214	8.712.349.968
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	75.384.971.770	97.852.658.543
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	11.363.636	22.727.272
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	271.130.336.998	53.413.206.224
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	33.111.873.196	129.460.545.030
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.16	8.044.952.727	5.959.469.092
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		16.234.971.194	9.702.170.374
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.998.663.604.417</b>	<b>4.636.550.555.886</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	14.062.041.533	3.470.039.533
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	306.387.237	306.387.237
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	927.283.837.696	1.037.775.003.208
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	4.037.780.965.222	3.579.614.827.726
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.16	19.230.372.729	15.384.298.182
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.295.079.263.352</b>	<b>1.722.415.693.973</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.295.079.263.352</b>	<b>1.722.415.693.973</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.17	1.684.174.160.000	1.284.047.330.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		1.684.174.160.000	1.284.047.330.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.17	70.085.996.326	70.238.348.433
7. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.17	80.771.763.538	72.781.820.671
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.17	344.588.430.723	291.843.960.332
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		201.960.647.232	125.956.188.284
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		142.627.783.491	165.887.772.048
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		115.458.912.765	3.504.234.537
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>8.117.601.368.985</b>	<b>7.086.350.873.976</b>

Người lập



Lê Thị Phương Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2016

Tổng Giám đốc



Hoàng Hà Phương





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

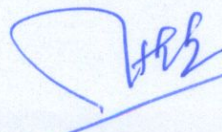
CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	187.298.213.458	26.277.793.427
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	77.678.722.940	39.666.220.279
- Các khoản dự phòng	03	5.931.558.182	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(37.640.363.692)	(12.724.452.567)
- Chi phí lãi vay	06	99.822.224.822	35.146.074.053
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	333.090.355.710	88.365.635.192
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	145.761.162.515	293.427.429.323
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.018.099.994)	5.574.365.184
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(357.879.049.001)	(44.219.210.510)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(30.822.975.101)	(55.541.893)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(99.822.224.822)	(35.146.074.053)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(40.608.472.370)	(368.143.769)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.532.800.820)	(1.813.198.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(60.832.103.883)	305.765.260.974
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.339.307.028.891)	(747.103.545.454)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.059.416.494.348	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(667.765.000.000)	(107.140.514.245)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	87.287.000.000	86.690.072.883
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(132.825.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.196.054.603	1.259.258.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(846.172.479.940)	(899.119.728.073)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	510.531.830.000	270.000.000.000
3. Tiền thu từ cho vay	33	774.772.902.947	953.835.725.876
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(415.446.317.885)	(817.496.365.403)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(85.525.347.495)	(4.189.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	784.333.067.567	406.335.170.973
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(122.671.516.256)	(187.019.296.126)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	576.880.129.477	360.060.918.592
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	454.208.613.221	173.041.622.466

Người lập



Lê Thị Phương Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2016

Tổng Giám đốc



Hoàng Hà Phương

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tasco tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ Nam Định lên Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần 16 ngày 10 tháng 6 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TASCOS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: HUD - TASCOS

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 16 của Công ty là 1.684.174.160.000 đồng.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: HUT

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong kỳ: 139 người

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện; Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh bất động sản. Các công trình xây lắp được đầu tư chủ yếu bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Khối lượng xây lắp hoàn thành sau khi giữ lại phần bảo hành công trình được thanh toán theo kế hoạch vốn ngân sách hàng năm. Khối lượng xây lắp hoàn thành các công trình này khi quyết toán có thể bị cắt giảm làm ảnh hưởng đến các khoản giảm trừ doanh thu.

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2016, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Hà Nội	51	51	Khai thác VLXD
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	51	51	Xây lắp
3	Công ty Cổ phần VETC	Hà Nội	51	51	Dịch vụ, xây lắp
4	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100	100	Xây lắp
5	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Dịch vụ
6	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100	100	Xây lắp
7	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Hải Phòng	100	100	Xây lắp
8	Công ty TNHH T'Hospital	Hà Nội	100	100	Đầu tư bệnh viện
9	Công ty TNHH Đào tạo và tư vấn Tasedu	Hà Nội	100	100	Đào tạo
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>					
1	Công ty Cổ phần BDS Thái An	Hà Nội	30	30	Kinh doanh BDS
2	Công ty Cổ phần Tasco Thăng Long	Hà Nội	30	30	Kinh doanh BDS
3	Công ty Cổ phần D-Tech	Hà Nội	20	20	Khai thác VLXD
4	Tổng Công ty Thăng Long – CTCP	Hà Nội	35,4	35,4	Xây lắp
5	Công ty TNHH BOT Hùng Thăng-Phú Thọ	Phú Thọ	30	30	Xây lắp

Trong kỳ, Hội đồng quản trị Công ty ban hành các nghị quyết:

+ Nghị quyết số 08A/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 04 năm 2016 về việc thành lập Công ty TNHH T'Hospital để quản lý đầu tư và khai thác các dự án đầu tư bệnh viện theo hình thức liên doanh, liên kết với các bệnh viện công lập.

+ Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 05 năm 2016 về việc thành lập Công ty TNHH Đào tạo và Tư vấn Tasedu do Công ty Cổ phần Tasco là chủ sở hữu để đầu tư kinh doanh lĩnh vực tư vấn và đào tạo.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Công ty Mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tổn thất tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, khoản lãi, lỗ phát sinh do việc thanh lý được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Tài sản cố định vô hình**

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý: Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</b>	<b>Số năm</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc		05 - 25
Máy móc và thiết bị		05 - 08
Thiết bị văn phòng		03 - 10
Phương tiện vận tải		06 - 10

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty gồm công cụ dụng cụ, chi phí hoàn thiện nội thất văn phòng và chi phí khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Trong đó, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong kỳ, Công ty có 56.459.721.751 đồng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm).
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế. Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và hoạt động khác, đầu tư, kinh doanh bất động sản và dịch vụ thu phí đường bộ trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	7.999.649.167	6.618.892.309
Tiền gửi ngân hàng	91.215.160.814	289.061.237.168
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	354.993.803.240	281.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	354.993.803.240	281.200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>454.208.613.221</b>	<b>576.880.129.477</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***Đơn vị tính: VND*

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>315.049.232.122</b>	<b>315.049.232.122</b>	<b>45.249.232.122</b>	<b>45.249.232.122</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	315.049.232.122	315.049.232.122	45.249.232.122	45.249.232.122
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>315.049.232.122</b>	<b>315.049.232.122</b>	<b>45.249.232.122</b>	<b>45.249.232.122</b>

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>330.233.241.010</b>	<b>315.691.249.053</b>
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	244.635.924.316	229.982.998.814
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng-Phú Thọ	69.000.000.000	69.000.000.000
Công ty CP Bất động sản Thái An	13.352.694.300	13.463.627.845
Công ty CP Tasco Thăng Long	1.784.098.341	1.784.098.341
Công ty CP D - Tech	1.460.524.053	1.460.524.053
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>6.130.000.000</b>	<b>6.130.000.000</b>
Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP Cotabig	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần TIC	1.330.000.000	1.330.000.000
<b>Tổng</b>	<b>336.363.241.010</b>	<b>321.821.249.053</b>

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>368.400.828.562</b>	<b>763.979.970.700</b>
- Công ty CP Bất động sản Thái An	-	132.102.200.000
- Ban QLDA GT - Sở GTVT Thái Bình	37.867.610.639	37.867.610.639
- Sở GTVT tỉnh Thái Bình	13.671.032.000	184.751.000.000
- Phải thu Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định	66.645.993.350	66.645.993.350
- Phải thu các đối tượng khác	250.216.192.573	342.613.166.711
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>250.519.019.957</b>	<b>250.519.019.957</b>
- Sở GTVT tỉnh Thái Bình	250.519.019.957	250.519.019.957
<b>Tổng</b>	<b>618.919.848.519</b>	<b>1.014.498.990.657</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.4 Các khoản phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>186.435.225.274</b>	-	<b>126.653.633.499</b>	-
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	9.803.369.400	-	2.687.264.300	-
- Ký cược, ký quỹ	69.470.000	-	593.770.000	-
- Tạm ứng	34.405.790.033	-	40.041.711.975	-
- Phải thu khác	142.156.595.841	-	83.330.887.224	-
<i>Ban QLDA Quận Nam Từ Liêm</i>	49.638.505.068	-	4.271.802.600	-
<i>Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Từ Liêm</i>	15.136.992.975	-	14.170.795.112	-
<i>Phải thu đối tượng khác</i>	77.381.097.798	-	64.888.289.512	-
<b>Dài hạn</b>	<b>53.053.517.075</b>	-	<b>3.273.104.515</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	3.577.104.515	-	3.273.104.515	-
- Phải thu khác	49.476.412.560	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>239.488.742.349</b>	-	<b>129.926.738.014</b>	-

**5.5 Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.060.565.514	-	1.189.892.762	-
Công cụ, dụng cụ	77.880.000	-	-	-
Chi phí SX KDDD	50.987.347.012	-	44.539.078.308	-
Thành phẩm	79.898.838	-	1.000.613.848	-
Hàng hóa	7.197.174.007	-	9.655.180.459	-
<b>Tổng</b>	<b>60.402.865.371</b>	-	<b>56.384.765.377</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.6 Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>2.847.828.442.863</b>	<b>2.038.634.741.149</b>
- Dự án Khu đô thị Pháp Vân	86.792.939.439	41.066.942.454
- Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	10.662.308.976	-
- Dự án Đường Lê Đức Thọ	672.516.887.128	485.621.440.463
- Dự án rác thải	1.876.488.843	1.876.488.843
- Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
- Dự án xây dựng nhà ở cho CB	171.552.405.156	46.519.595.952
<b>Báo Nhân dân và văn phòng TW Đảng</b>		
- Dự án khu nhà ở sinh thái	342.355.809.685	537.531.449.597
tại xã Xuân Phương		
- Dự án Khu đô thị mới	266.666.323.561	269.344.202.690
<b>Vân Canh - Hoài Đức</b>		
- Dự án 48 Trần Duy Hưng	1.651.562.289	1.651.529.289
- Dự án Tỉnh lộ 39	4.614.073.728	-
- Dự án quốc lộ BOT39	350.738.153.017	248.540.059.277
- Dự án BOT Quảng Bình	117.241.777.967	103.793.750.659
- Dự án BT Sông Om	2.183.853.981	1.615.217.617
- Dự án xây dựng Trạm thu phí Mỹ Lộc mới	54.225.659.392	47.286.433.472
- Dự án quốc lộ 10 đoạn từ cầu	716.381.919.332	222.306.005.764
<b>Quán Toan đến cầu Nghìn</b>		
- Dự án xây dựng hệ thống thu phí	38.270.073.161	22.197.287.886
không dừng và kiểm soát tải trọng xe		
- Các dự án khác	8.482.007.586	7.668.137.564
<b>Tổng</b>	<b>2.847.828.442.863</b>	<b>2.038.634.741.149</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2016	26.285.074.127	8.334.589.727	30.079.150.644	8.340.384.459	2.589.225.181.915	2.662.264.380.872
Tăng trong kỳ	-	456.031.454	1.028.330.903	1.553.577.474	-	3.037.939.831
Mua trong kỳ	-	456.031.454	1.028.330.903	966.440.201	-	2.450.802.558
Phân loại lại	-	-	-	587.137.273	-	587.137.273
Giảm trong kỳ	-	441.682.727	1.781.854.545	-	1.591.398.728	3.814.936.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.781.854.545	-	-	1.781.854.545
Phân loại lại	-	441.682.727	-	-	145.454.546	587.137.273
Giảm khác	-	-	-	-	1.445.944.182	1.445.944.182
<b>Số dư tại 30/06/2016</b>	<b>26.285.074.127</b>	<b>8.348.938.454</b>	<b>29.325.627.002</b>	<b>9.893.961.933</b>	<b>2.587.633.783.187</b>	<b>2.661.487.384.703</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2016	11.776.393.279	2.973.826.616	8.878.752.512	4.846.641.962	193.271.628.003	221.747.242.372
Tăng trong kỳ	1.351.109.340	760.177.594	1.820.402.032	391.711.625	74.395.470.511	78.718.871.102
Khấu hao trong kỳ	1.351.109.340	760.177.594	1.820.402.032	350.879.479	74.395.470.511	78.678.038.956
Phân loại lại	-	-	-	40.832.146	-	40.832.146
Giảm trong kỳ	-	30.641.532	1.045.282.043	-	10.190.614	1.086.114.189
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.045.282.043	-	-	1.045.282.043
Phân loại lại	-	30.641.532	-	-	10.190.614	40.832.146
<b>Số dư tại 30/06/2016</b>	<b>13.127.502.619</b>	<b>3.703.362.678</b>	<b>9.653.872.501</b>	<b>5.238.353.587</b>	<b>267.656.907.900</b>	<b>299.379.999.285</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2016	14.508.680.848	5.360.763.111	21.200.398.132	3.493.742.497	2.395.953.553.912	2.440.517.138.500
Tại 30/06/2016	13.157.571.508	4.645.575.776	19.671.754.501	4.655.608.346	2.319.976.875.287	2.362.107.385.418



**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.8 Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2016	102.878.251	1.147.816.637	1.250.694.888
Tăng trong kỳ	-	191.168.000	191.168.000
Mua trong kỳ	-	191.168.000	191.168.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2016</b>	<b>102.878.251</b>	<b>1.338.984.637</b>	<b>1.441.862.888</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2016	38.673.408	921.443.411	960.116.819
Tăng trong kỳ	2.143.296	43.822.731	45.966.027
Khấu hao trong kỳ	2.143.296	43.822.731	45.966.027
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2016</b>	<b>40.816.704</b>	<b>965.266.142</b>	<b>1.006.082.846</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2016	64.204.843	226.373.226	290.578.069
Tại 30/06/2016	62.061.547	373.718.495	435.780.042

**5.9 Chi phí trả trước**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.213.044.003</b>	<b>2.497.322.813</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	533.234.817	1.534.316.632
- Chi phí khác	679.809.186	963.006.181
<b>Dài hạn</b>	<b>91.361.693.688</b>	<b>59.254.439.777</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.734.805.284	1.374.255.244
- Chi phí lãi vay	81.139.936.048	49.487.933.912
- Chi phí khác	6.486.952.356	8.392.250.621
<b>Tổng</b>	<b>92.574.737.691</b>	<b>61.751.762.590</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.10 Vay và nợ thuê tài chính****a. Các khoản vay**

*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>33.111.873.196</b>	<b>33.111.873.196</b>	<b>40.385.667.824</b>	<b>136.734.339.658</b>	<b>129.460.545.030</b>	<b>129.460.545.030</b>
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Định	-	-	-	58.938.651.404	58.938.651.404	58.938.651.404
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	3.518.730.000	3.518.730.000	3.518.730.000	47.791.703.638	47.791.703.638	47.791.703.638
+ Ngân hàng SHB -CN Thăng Long	21.100.075.435	21.100.075.435	28.163.341.695	20.056.194.616	12.992.928.356	12.992.928.356
+ Vay đối tượng khác	8.493.067.761	8.493.067.761	8.703.596.129	9.947.790.000	9.737.261.632	9.737.261.632
<b>Vay dài hạn</b>	<b>3.646.569.751.622</b>	<b>3.646.569.751.622</b>	<b>734.569.085.123</b>	<b>174.393.828.227</b>	<b>3.086.394.494.726</b>	<b>3.086.394.494.726</b>
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Định	2.429.969.442.543	2.429.969.442.543	264.170.765.674	37.984.000.000	2.203.782.676.869	2.203.782.676.869
+ Ngân hàng PT Việt Nam - CN Nam Định	533.525.920.000	533.525.920.000	-	15.600.000.000	549.125.920.000	549.125.920.000
+ Ngân hàng NN và PTNT- CN Thái Bình	-	-	5.448.589.161	115.104.378.227	109.655.789.066	109.655.789.066
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình	346.300.000	346.300.000	-	465.450.000	811.750.000	811.750.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	4.480.000.000	4.480.000.000	-	640.000.000	5.120.000.000	5.120.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Hà Nội	652.933.104.220	652.933.104.220	455.929.532.288	-	197.003.571.932	197.003.571.932
+ Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM - CN Hồ Gươm	24.614.984.859	24.614.984.859	8.220.198.000	-	16.394.786.859	16.394.786.859
+ Vay đối tượng khác	700.000.000	700.000.000	800.000.000	4.600.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>3.679.681.624.818</b>	<b>3.679.681.624.818</b>	<b>774.954.752.947</b>	<b>311.128.167.885</b>	<b>3.215.855.039.756</b>	<b>3.215.855.039.756</b>

**5.10 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Thông tin cho các khoản vay ngắn hạn:

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định: Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2015 số 01/2015/232424/HĐTĐ ngày 13/07/2015, mức dư nợ tối đa là 204.000.000.000 đồng (Hai trăm lẻ tư tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2016. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội: Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2015 số 01/2015/232424/HĐTĐ ngày 06/07/2015, mức dư nợ tối đa là 197.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2016. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long: Hợp đồng tín dụng số 129/2015/HĐHM-PN/SHB.110600 ngày 22/4/2015, mức dư nợ tối đa 15.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 22/4/2015, lãi suất vay thả nổi.

Thông tin cho các khoản vay dài hạn:

Hiện nay, Công ty đang vay dài hạn tại các Ngân hàng để thực hiện các dự án BT và các dự án BOT.

+ Đối với các dự án BOT: nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn thu từ trạm thu phí theo Hợp đồng BOT đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Công ty đang thực hiện tổ chức thu phí đường bộ tại hai trạm thu phí Tân Đệ và trạm thu phí Mỹ Lộc để hoàn vốn cho hai dự án: Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình (BOT10) và dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10 (BOT21).

+ Đối với dự án BT: nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn vốn trái phiếu chính phủ đã bố trí cho dự án theo hợp đồng BT đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 10/2008/HĐTĐĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 02/2014/HĐTĐĐT-NHPT ngày 08/01/2014, số tiền vay tối đa 173.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, thời gian trả nợ gốc 114 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 11/2008/HĐTĐĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

**5.10 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

-Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

+ Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 09 tháng 03 năm 2015, số tiền vay tối đa 970.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn tối đa 24 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ là 36 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70). Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

+ Hợp đồng số 01/2013/HĐTD/BIDV-TASCO tháng 11/2013 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 1.531.000.000.000 đồng, thời hạn vay 19,5 năm, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần và được xác định vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý bằng tổng của Lãi suất tham chiếu cộng ba phần trăm năm phần trăm một năm (3,5%/năm), nhưng không thấp hơn mức lãi suất tối thiểu theo quy định của Bên cho vay trong từng thời kỳ và không cao hơn mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Ngân hàng nhà nước và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 02/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 22/05/2015 ký giữa Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty CP Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 435.700.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nhưng không vượt quá ngày 01/01/2016 hoặc khi dự án có doanh thu. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn tuyến tránh thị trấn Thanh Nê, Huyện Kiến Xương và đoạn từ đường vào trung tâm điện lực Thái Bình đến cầu Diêm Điền huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo hình thức Hợp đồng BOT, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần.

- Khoản vay Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Thái Bình

+ Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 15/5/2015 ký giữa Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam – CN Thái Bình và Công ty CP Tasco, Công ty CP Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 330.000.000.000 đồng. Kỳ hạn rút vốn không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, kỳ hạn trả nợ là ngày 31/12/2019, lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất cho vay trung hạn theo thông báo của bên cho vay và áp dụng lãi suất tiền vay có điều chỉnh. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn từ Thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương đến Thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.10 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

-Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN Hồ Gươm:

+ Hợp đồng số 0319/15/HĐTDTDH-DN/193 ngày 10 tháng 9 năm 2015, số tiền vay 200.000.000.000 đồng, thời gian vay 48 tháng, thời gian ân hạn gốc là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 36 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn tài trợ dự án đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng cho cán bộ phóng viên, nhân viên của báo nhân dân và Văn phòng trung ương Đảng thuộc khu đô thị mới Xuân Phương, Từ Liêm, Hà Nội. Lãi suất cho vay (LSCV) được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể trên cơ sở LSCV được HDBank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh 3 tháng/1 lần.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội:

+ Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/VCBHN-TASCO ngày 15 tháng 10 năm 2015, số tiền vay 2.333.580.000.000 đồng, thời gian vay 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (nhưng không dài hơn 06 tháng trước ngày kết thúc thời gian thu phí của dự án), thời gian ân hạn gốc là 28 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 188 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay: để thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư dự án Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn; thành phố Hải Phòng, theo hình thức Hợp đồng BOT. Lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần và được xác định vào Ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý bằng tổng của lãi suất tham chiếu + (cộng) với 3,6%/năm.

**b. Trái phiếu phát hành**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Kỳ hạn	Giá trị	Kỳ hạn
- Loại phát hành theo mệnh giá (1)	395.600.000.000	3 năm	500.000.000.000	3 năm
- Chi phí phát hành trái phiếu (2)	4.388.786.400	-	6.779.667.000	-
<b>Giá trị thu được {(3)=(1)-(2)}</b>	<b>391.211.213.600</b>		<b>493.220.333.000</b>	

Năm 2015, Công ty đã phát hành 500.000 trái phiếu có quyền chuyển đổi, mệnh giá 1.000.000 đ/trái phiếu, lãi suất thả nổi được xác định bằng trung bình cộng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân bằng VND niêm yết công khai, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Sở Giao dịch/chi nhánh của 04 ngân hàng TMCP gồm: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội và Ngân hàng TMCP Phương Đông - Sở Giao dịch tại ngày xác định lãi suất + Biên độ 3%. Trong kỳ Công ty đã mua lại trước hạn 104.400 trái phiếu có quyền chuyển đổi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.11 Phải trả người bán**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>182.195.969.555</b>	<b>182.195.969.555</b>	<b>192.464.527.678</b>	<b>192.464.527.678</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng NASACO	26.457.783.315	26.457.783.315	45.141.074.470	45.141.074.470
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tiên Hưng	13.325.039.552	13.325.039.552	15.265.219.245	15.265.219.245
- Công ty TNHH Hợp Tiến	9.267.032.232	9.267.032.232	20.568.813.423	20.568.813.423
- Phải trả đối tượng khác	133.146.114.456	133.146.114.456	111.489.420.540	111.489.420.540
<b>b. Dài hạn</b>	<b>14.062.041.533</b>	<b>14.062.041.533</b>	<b>3.470.039.533</b>	<b>3.470.039.533</b>
- Phải trả đối tượng khác	14.062.041.533	14.062.041.533	3.470.039.533	3.470.039.533
<b>Tổng</b>	<b>196.258.011.088</b>	<b>196.258.011.088</b>	<b>195.934.567.211</b>	<b>195.934.567.211</b>

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ	
	01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016
<b>Phải nộp</b>	<b>163.910.288.191</b>	<b>174.407.481.533</b>	<b>193.514.703.864</b>	<b>144.803.065.860</b>
Thuế giá trị gia tăng	125.698.082.710	37.338.660.015	44.180.640.112	118.856.102.613
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.822.272.667	27.836.840.023	40.608.472.370	25.050.640.320
Thuế thu nhập cá nhân	293.397.914	7.218.091.871	7.055.457.644	456.032.141
Thuế tài nguyên, Thuế nhà đất, tiền thuê đất	66.745.168	101.408.367.658	101.413.800.926	61.311.900
Thuế khác	-	424.347.606	45.864.320	378.483.286
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	29.789.732	181.174.360	210.468.492	495.600
<b>Phải thu</b>	<b>4.565.549.830</b>	<b>1.685.712.972</b>	<b>19.868.800</b>	<b>2.899.705.658</b>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	77.065.000	-	19.868.800	96.933.800
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	4.488.484.830	1.685.712.972	-	2.802.771.858

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.13 Chi phí phải trả**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>75.384.971.770</b>	<b>97.852.658.543</b>
- Trích trước giá vốn - Dự án Vân Canh	13.310.749.578	13.402.403.212
- Trích trước giá vốn - DA Khu Nhà ở sinh thái Xuân Phương	31.547.553.661	31.954.251.322
- Trích trước lãi trái phiếu chuyển đổi	10.625.767.292	12.673.250.000
- Chi phí phải trả khác	19.900.901.239	39.822.754.009
<b>Tổng</b>	<b>75.384.971.770</b>	<b>97.852.658.543</b>

**5.14 Doanh thu chưa thực hiện**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.363.636</b>	<b>22.727.272</b>
Doanh thu nhận trước	11.363.636	22.727.272
<b>Dài hạn</b>	<b>306.387.237</b>	<b>306.387.237</b>
Doanh thu nhận trước	306.387.237	306.387.237
<b>Tổng</b>	<b>317.750.873</b>	<b>329.114.509</b>

**5.15 Phải trả khác**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>271.130.336.998</b>	<b>53.413.206.224</b>
Kinh phí công đoàn	390.486.665	338.759.179
Bảo hiểm xã hội	377.326.380	96.792.280
Bảo hiểm y tế	64.947.622	16.497.235
Bảo hiểm thất nghiệp	28.913.768	7.445.560
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.936.396.200	4.569.702.800
Phải trả, phải nộp khác	265.332.266.363	48.384.009.170
<b>Dài hạn</b>	<b>927.283.837.696</b>	<b>1.037.775.003.208</b>
Công ty CP Tư vấn Đầu tư XD Hà Việt	376.475.300.000	386.475.300.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	550.808.537.696	651.299.703.208
<b>Tổng</b>	<b>1.198.414.174.694</b>	<b>1.091.188.209.432</b>

**Trong đó:**

Phải trả dài hạn Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt góp vốn liên doanh theo Hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET về việc Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức Xây dựng - chuyển giao (BT).

Phải trả dài hạn khác gồm các hợp đồng góp vốn, các thỏa thuận đặt cọc để Công ty thực hiện các dự án.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.16 Dự phòng phải trả**

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.044.952.727</b>	<b>5.959.469.092</b>
Chi phí trung tu, đại tu cầu đường của BOT QL10, QL21	8.044.952.727	5.959.469.092
<b>Dài hạn</b>	<b>19.230.372.729</b>	<b>15.384.298.182</b>
Chi phí trung tu, đại tu cầu đường của BOT QL10, QL21	19.230.372.729	15.384.298.182
<b>Tổng</b>	<b>27.275.325.456</b>	<b>21.343.767.274</b>

.N:  
CÔ  
T  
ÈM  
V  
HÀ



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.17 **Vốn chủ sở hữu**a. **Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>946.474.910.000</b>	<b>3.734.064.565</b>	<b>46.899.878.364</b>	<b>298.760.705.145</b>	<b>1.295.869.558.074</b>
<b>Tăng trong năm</b>					
Tăng vốn	337.572.420.000	70.000.000.000	-	-	407.572.420.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	25.881.942.307	-	25.881.942.307
Lãi	-	-	-	160.165.180.348	160.165.180.348
Tăng khác	-	-	-	6.731.760.095	6.731.760.095
<b>Giảm trong năm</b>					
Trích lập các quỹ	-	-	-	36.241.265.256	36.241.265.256
Chia trả cổ tức tại công ty mẹ	-	-	-	137.572.420.000	137.572.420.000
Giảm khác	-	3.495.716.132	-	-	3.495.716.132
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>1.284.047.330.000</b>	<b>70.238.348.433</b>	<b>72.781.820.671</b>	<b>291.843.960.332</b>	<b>1.718.911.459.436</b>
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>1.284.047.330.000</b>	<b>70.238.348.433</b>	<b>72.781.820.671</b>	<b>291.843.960.332</b>	<b>1.718.911.459.436</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>					
Tăng vốn	400.126.830.000	-	-	-	400.126.830.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	159.214.407.641	159.214.407.641
Phân phối lợi nhuận	-	-	7.989.942.867	-	7.989.942.867
<b>Giảm trong kỳ</b>					
Trích lập các quỹ	-	-	-	15.968.400.000	15.968.400.000
Chia trả cổ tức tại công ty mẹ	-	-	-	89.883.313.100	89.883.313.100
Giảm khác (*)	-	152.352.107	-	618.224.150	770.576.257
<b>Số dư tại 30/06/2016</b>	<b>1.684.174.160.000</b>	<b>70.085.996.326</b>	<b>80.771.763.538</b>	<b>344.588.430.723</b>	<b>2.179.620.350.587</b>

(\*) Thặng dư vốn cổ phần giảm do các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác liên quan đến phát hành cổ phiếu, phí đăng ký, quản lý niêm yết chứng khoán bổ sung.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Vốn góp của cổ đông khác	1.684.174.160.000	1.284.047.330.000
<b>Tổng</b>	<b>1.684.174.160.000</b>	<b>1.284.047.330.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	1.284.047.330.000	946.474.910.000
Vốn góp tăng trong kỳ	400.126.830.000	337.572.420.000
Vốn góp tại cuối kỳ	1.684.174.160.000	1.284.047.330.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>89.883.313.100</b>	<b>137.572.420.000</b>

Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ-HĐQT ngày 02/02/2016, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 7% theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 25/02/2016.

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	168.417.416	128.404.733
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	168.417.416	128.404.733
Cổ phiếu phổ thông	168.417.416	128.404.733
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	168.417.416	128.404.733
Cổ phiếu phổ thông	168.417.416	128.404.733
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCÓ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ****Nợ khó đòi đã xử lý**

STT	Khách nợ	Số tiền nợ (VND)
1	Công ty TNHH Lưu Thảo Vy	124.000.000
2	Ban QLDA NN&PT NT Nam Định	27.658.859
3	VP Hội Đồng ND-UBND tỉnh Nam Định	29.804.000
4	UBND huyện Trực Ninh	30.914.000
5	Công ty CP XD Thủy lợi Ninh Bình	198.469.912
6	Công ty CP Tàu thủy Hoàng Anh	61.600.000
7	Ban QLDA Đầu tư XD - Thị xã Phủ Lý	34.135.000
8	Công ty CP Đầu tư & XD HUD 3	42.451.250
9	Công ty ĐTXD phát triển đô thị số 4	49.001.450
10	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sông Đà	364.262.853
11	Công ty CP TV XD Hà Tây	107.883.300
12	Công ty CP XD CT đô thị Nam Định	18.337.885
13	Công ty CP Đầu tư XD Việt Nhật	35.938.875
14	Phạm Đăng Khởi	11.649.400
15	Vũ Văn Dũng	27.694.731
16	Phạm Văn Toàn	22.165.608
17	Trần Thị Bích Hạnh	19.288.000
	<b>Tổng</b>	<b>1.205.255.123</b>

Nguyên nhân đã xóa sổ kế toán nợ khó đòi: Khách nợ không có khả năng chi trả.

**5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu hoạt động thu phí	203.609.437.269	79.728.672.726
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	136.949.103.573	65.720.282.317
Doanh thu hợp đồng xây dựng	41.438.959.794	308.271.321.896
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	976.181.531.367	4.819.455.128
<b>Tổng</b>	<b>1.358.179.032.003</b>	<b>458.539.732.067</b>

**5.20 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giảm giá hàng bán	27.178.258.363	2.541.172.827
Hàng bán bị trả lại	144.834.264.572	998.266.640
<b>Tổng</b>	<b>172.012.522.935</b>	<b>3.539.439.467</b>

Trong đó, hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ do nguyên nhân: Năm 2010, Công ty chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật cho nhà đầu tư thứ cấp. Do thay đổi cơ cấu tổ chức và khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên nhà đầu tư thứ cấp không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng, trong Quý II năm 2016 hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng, nhà đầu tư thứ cấp trả lại quyền sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật đã nhận chuyển nhượng từ Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.21 Giá vốn hàng bán**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn hoạt động thu phí	94.029.953.468	47.275.304.915
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	119.623.418.377	54.748.341.286
Giá vốn hợp đồng xây dựng	14.615.603.298	275.445.148.331
Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản	622.265.482.886	3.328.329.710
<b>Tổng</b>	<b>850.534.458.029</b>	<b>380.797.124.242</b>

**5.22 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.295.851.913	2.538.336.067
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.803.369.400	4.487.264.300
<b>Tổng</b>	<b>23.099.221.313</b>	<b>7.025.600.367</b>

**5.23 Chi phí tài chính**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền vay	99.822.224.822	35.146.074.053
Chi phí hoạt động tài chính khác	13.413.100.000	-
<b>Tổng</b>	<b>113.235.324.822</b>	<b>35.146.074.053</b>

**5.24 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>27.806.519.680</b>	<b>6.604.788.705</b>
Chi phí nhân viên	2.636.674.656	6.604.788.705
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	950.758	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.641.772.612	-
Chi phí bằng tiền khác	20.527.121.654	-
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>47.134.113.117</b>	<b>18.698.567.122</b>
Chi phí nhân viên quản lý	13.818.835.267	8.151.626.437
Chi phí vật liệu quản lý	16.635.267	5.202.450
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.158.485.853	294.418.217
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.342.364.701	2.438.119.825
Thuế phí và lệ phí	216.978.337	205.877.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.954.512.022	6.089.225.280
Chi phí bằng tiền khác	20.626.301.670	1.514.097.651
<b>Tổng</b>	<b>74.940.632.797</b>	<b>25.303.355.827</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.25 Thu nhập khác**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thanh lý tài sản	427.498	-
Thu phạt hợp đồng	2.007.574.474	1.717.483.184
Thu nhập khác	919.217.713	176.863.962
<b>Tổng</b>	<b>2.927.219.685</b>	<b>1.894.347.146</b>

**5.26 Chi phí khác**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	184.719.128	
Chi phí khác	540.744.211	1.719.552.638
<b>Tổng</b>	<b>725.463.339</b>	<b>1.719.552.638</b>

**5.27 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	27.893.458.451	2.047.536.602
<b>Tổng</b>	<b>27.893.458.451</b>	<b>2.047.536.602</b>

**5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.706.945.756	8.044.822.055
Chi phí nhân công	26.747.090.827	19.933.130.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.401.729.556	39.415.437.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.666.119.450	206.372.324.577
Chi phí khác bằng tiền	51.315.133.432	5.175.498.658
<b>Tổng</b>	<b>220.837.019.021</b>	<b>278.941.213.496</b>

010  
ÔNG  
TNH  
M T  
VIET  
HÀ N

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
		VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	Lương và thù lao	3.741.766.540	3.750.718.270
<b>Tổng</b>		<b>3.741.766.540</b>	<b>3.750.718.270</b>

**Giao dịch khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Giao dịch bán hàng</b>		
Phạm Quang Dũng	Chủ tịch	50.818.414.652
Phạm Văn Lương	Phó Chủ tịch	16.632.837.273
Phạm Thị Chi	Ủy viên	9.094.639.232
Phạm Thị Nhân	Ủy viên	7.682.353.579
Trần Thanh Long	Chồng bà Phạm Thị Nhân	8.620.851.569
Trần Thị Thanh Tân	Ủy viên	7.682.353.580
Vũ Duy Hưng	Chồng bà Trần Thị Thanh Tân - ủy viên	8.286.559.129
Nguyễn Ngọc Hùng	Ủy viên	5.829.439.408
Đỗ Thị Thúy Hằng	Vợ Tổng Giám đốc	4.578.249.971
Phạm Thanh Tâm	Vợ ông Vũ Quang Lâm- ủy viên	19.888.908.405

**Số dư với các bên liên quan**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>1. Các khoản phải thu</b>	<b>351.264.800</b>	<b>132.453.464.800</b>
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	-	132.102.200.000
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	351.264.800	351.264.800
<b>2. Các khoản phải trả</b>	<b>24.275.768.605</b>	<b>617.968.605</b>
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	617.968.605	617.968.605
<i>Các khoản người mua trả tiền trước</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	23.657.800.000	-

**6.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**6.3 Báo cáo bộ phận****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp và hoạt động khác, dịch vụ thu phí đường bộ và Đầu tư, Kinh doanh Bất động sản.

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01 tháng 01 năm 2016***Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	7.743.023.859	1.548.215.606.058	851.378.141.261	2.407.336.771.178
Tài sản cố định không thể phân bổ	-	-	-	32.924.640.264
Xây dựng cơ bản dở dang		2.038.634.741.149		2.038.634.741.149
Các khoản phải thu	386.049.281.468	827.784.836.814	22.000.000	1.213.856.118.282
Hàng tồn kho	56.378.968.866		5.796.511	56.384.765.377
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	133.258.717.516	10.470.145.091	2.115.339.383	145.844.201.990
Tài sản không thể phân bổ		-	-	1.191.369.635.736
<b>Tổng tài sản</b>				<b>7.086.350.873.976</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	297.711.345.314	1.315.971.013.442	22.762.928.149	1.636.445.286.905
Phải trả tiền vay	813.752.699.962	2.889.390.922.794	-	3.703.143.622.756
Nợ phải trả không phân bổ				24.346.270.342
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>5.363.935.180.003</b>

**Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015***Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	373.991.604.213	4.819.455.128	79.728.672.726	458.539.732.067
Giảm trừ doanh thu	(2.541.172.827)	(998.266.640)	-	(3.539.439.467)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>371.450.431.386</b>	<b>3.821.188.488</b>	<b>79.728.672.726</b>	<b>455.000.292.600</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	18.377.955.904	475.359.845	7.424.477.678	26.277.793.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp	301.842.632	112.308.880	1.633.385.090	2.047.536.602
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>				<b>24.230.256.825</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)****Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2016**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	8.193.621.479	1.528.558.104.981	795.186.474.919	2.331.938.201.379
Tài sản cố định không thể phân bổ	-	-	-	30.604.964.081
Xây dựng cơ bản dở dang		2.847.828.442.863		2.847.828.442.863
Các khoản phải thu	546.136.167.450	594.593.971.161	57.922.360.024	1.198.652.498.635
Hàng tồn kho	60.321.107.583	-	81.757.788	60.402.865.371
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	349.142.507.770	93.350.376.559	100.060.425.974	542.553.310.303
Tài sản không thể phân bổ		-	-	1.105.621.086.353
<b>Tổng tài sản</b>				<b>8.117.601.368.985</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	1.126.784.560.792	41.942.174.852	550.739.079.963	1.719.465.815.607
Phải trả tiền vay	1.077.256.191.016	1.491.853.767.331	1.496.956.580.071	4.066.066.538.418
Nợ phải trả không phân bổ				36.989.751.608
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>5.822.522.105.633</b>

**Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	178.388.063.367	976.181.531.367	203.609.437.269	1.358.179.032.003
Giảm trừ doanh thu	(27.178.258.363)	(144.834.264.572)	-	(172.012.522.935)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>151.209.805.004</b>	<b>831.347.266.795</b>	<b>203.609.437.269</b>	<b>1.186.166.509.068</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	31.613.893.708	117.359.942.885	38.324.376.865	187.298.213.458
Thuế thu nhập doanh nghiệp	773.917.971	24.620.381.646	2.499.158.835	27.893.458.452
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>				<b>159.404.755.006</b>

**6.4 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.



**6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	454.208.613.221	576.880.129.477
Phải thu khách hàng và phải thu khác	854.935.829.695	1.140.952.967.498
Các khoản cho vay	330.808.000.000	10.130.000.000
Đầu tư ngắn hạn	315.049.232.122	45.249.232.122
Đầu tư dài hạn	6.130.000.000	6.130.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.961.131.675.038</b>	<b>1.779.342.329.097</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	4.070.892.838.418	3.709.075.372.756
Phải trả người bán và phải trả khác	1.394.672.185.782	1.287.122.776.643
Chi phí phải trả	75.384.971.770	97.852.658.543
<b>Tổng</b>	<b>5.540.949.995.970</b>	<b>5.094.050.807.942</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2016	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	33.111.873.196	4.037.780.965.222	4.070.892.838.418
Phải trả người bán và phải trả khác	453.326.306.553	941.345.879.229	1.394.672.185.782
Chi phí phải trả	75.384.971.770	-	75.384.971.770
01/01/2016	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	129.460.545.030	3.579.614.827.726	3.709.075.372.756
Phải trả người bán và phải trả khác	245.877.733.902	1.041.245.042.741	1.287.122.776.643
Chi phí phải trả	97.852.658.543	-	97.852.658.543

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2016	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	454.208.613.221	-	454.208.613.221
Phải thu khách hàng và phải thu khác	554.513.292.663	300.422.537.032	854.935.829.695
Các khoản cho vay	300.308.000.000	30.500.000.000	330.808.000.000
Đầu tư ngắn hạn	315.049.232.122	-	315.049.232.122
Đầu tư dài hạn	-	6.130.000.000	6.130.000.000
01/01/2016	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	576.880.129.477	-	576.880.129.477
Phải thu khách hàng và phải thu khác	890.310.843.026	250.642.124.472	1.140.952.967.498
Các khoản cho vay	10.130.000.000	-	10.130.000.000
Đầu tư ngắn hạn	45.249.232.122	-	45.249.232.122
Đầu tư dài hạn	-	6.130.000.000	6.130.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**6.5 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được soát xét.

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2016*

**Tổng Giám đốc**



**Lê Thị Phương Thúy**

**Trần Thị Thanh**

**Hoàng Hà Phương**

